

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LỨC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/DS-ST
Ngày: 11 - 6 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Nam
- Ông Bùi Quốc Lê

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 637/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955; Địa chỉ: 3/10 khu phố 11, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng Th, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt không rõ lý do).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 14/01/2024, Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 12/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ông Th là cháu ruột của bà, trong năm 2021 do ông Th cần tiền nên có hỏi mượn tiền của bà nhiều lần, cụ thể như sau: Ngày 01/3/2021, ông Th có đến nhà bà để chốt lại số nợ cũ mà ông đã vay trước đó và ông có viết giấy nợ ghi chung “*Hương Th*”, ngoài ra ông còn viết một giấy nợ riêng ghi tên ông để vay thêm 26.000.000đồng; Ngày 07/3/2021, ông Th vay thêm 50.000.000đồng, ông Th có viết giấy nợ và ký tên ông; Ngày 15/3/2021, ông Th vay thêm 30.000.000đồng và cũng ký tên ông; Ngày 14/4/2021, ông Th hỏi vay thêm 20.000.000đồng, bà có nói tiền cũ còn nợ nhiều thì ông Th nói đất chuẩn bị vô quy hoạch sẽ thanh toán luôn một lần và gửi bà thêm chút tiền lãi để dưỡng già nên bà đồng ý tiếp tục cho ông Th vay thêm 20.000.000đồng, ông Th viết chung vào tờ giấy ngày 07/3/2021 và ghi chung “*Hương Th*”. Bà xác định, mỗi lần bà cho ông Th vay tiền đều không nói thời hạn trả, ông Th có nói khi nào bà cần thì báo trước vài ngày, bản thân bà nghĩ đây là tiền dưỡng già chủ yếu khi đau bệnh mới cần nên bà đồng ý cho ông Th vay cũng xem như ông Th giữ thay bà. Ông Th lại là cháu của bà nên bà cũng không chủ động làm giấy tờ rõ ràng, sợ dĩ có những tờ giấy nợ này là do ông Th tự nguyện viết và giao cho bà giữ để dễ nhớ, khi nào trả thì sẽ kêu bà đưa lại cho ông Th xé bỏ. Khoảng năm 2022, bà cần tiền để khám bệnh nên nói ông Th trả bớt thì ông Th lại hẹn đến khi đất quy hoạch. Đến khoảng năm 2023, biết ông Th đã nhận tiền bồi thường nên bà đòi tiền thì ông Th nói đã trả rồi, còn khoản nợ này là của vợ ông Th là bà Huỳnh Thị C vay nên ông không liên quan. Tuy nhiên, bà xác định kể từ ngày 01/3/2021, ông Th chỉ có vay thêm chứ không có trả bất kỳ khoản tiền nào cho bà, khoản nợ này là ông Th trực tiếp vay và ký tên, hiện tại bà vẫn giữ bản chính nên việc ông Th cho rằng đây là nợ của bà Cần là không đúng.

Tại đơn khởi kiện, bà khởi kiện vợ chồng ông Th với tổng số nợ thực tế nợ bà là 174.500.000đồng, nhưng bà vẫn chỉ cung cấp được bản chính 02 giấy nợ (ngày 01/3/2021 với số tiền 26.000.000đồng và 01 giấy nợ ngày 15/3/2021 với số tiền 30.000.000đồng) còn những giấy nợ khác bị thất lạc bản chính, chỉ còn bản photo. Sau khi Tòa án gửi thông báo thụ lý cho ông Th, ông Th có điện thoại cho bà đề nghị cung cấp bản chính giấy nợ mới giải quyết. Do đó, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu ông Th hoàn trả cho bà 56.000.000đồng theo 02 giấy nợ nêu trên (có bản chính), ngoài ra bà không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Nguyên đơn xác định, trong vụ án này không còn liên quan đến cá nhân hay tổ chức khác nên đề nghị không đưa thêm người nào khác vào tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu chứng cứ đầy đủ, không còn tài liệu chứng cứ nào khác chưa giao nộp và cũng không đề nghị Tòa án thu thập thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị C: Ông Th, bà Cần vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết và không cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ nào liên quan đến vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Th, bà Cần vắng mặt nên Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được làm căn cứ giải quyết vụ án. Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bà H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Th và bà Cản vắng mặt không rõ lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy, căn cứ giấy nợ do bà H cung cấp gồm giấy nợ ngày 01/3/2021 với số tiền 26.000.000đồng và giấy nợ ngày 15/03/2021 với số tiền 30.000.000đồng đều có chữ ký của ông Th . Bà H đã cung cấp được bản gốc giấy vay tiền có chữ ký của bên vay là ông Th , bên cho vay là bà H nên được xem là đã hoàn thành nghĩa vụ chứng minh của nguyên đơn theo quy định pháp luật. Riêng ông Th , đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án, ông cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, có căn cứ xác định có việc xác lập giao dịch vay tiền giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hoàng Th với số tiền vay là 56.000.000đồng. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Hoàng Th trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc vay là 56.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Th có nghĩa vụ thanh toán nợ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự được xác định là nguyên đơn; ông Nguyễn Hoàng Th là bị đơn và bà Huỳnh Thị C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Th hoàn trả nợ gốc vay là 56.000.000đồng phát sinh từ hợp đồng vay tài sản:

Về nội dung hợp đồng: Qua xem xét bản chính “Giấy vay tiền đề ngày 01/3/2021 với số tiền 26.000.000đồng và ngày 15/3/2021 với số tiền 30.000.000đồng” do bà H cung cấp, thể hiện nội dung bà H có cho ông Th vay số tiền là 56.000.000đồng, tại mục “*Người vay tiền*” có chữ ký, chữ viết ghi tên “*Nguyễn Hoàng Th*”. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi cho đương sự bản sao Đơn khởi kiện cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tổng đạt các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc Tòa án đã thu thập được tài liệu chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và Thông báo thực hiện quyền đưa ra yêu cầu phản tố đề ông Th biết và thực hiện. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được bất kỳ tài liệu chứng cứ, ý kiến hay yêu cầu của ông Th trong vụ án, xem như đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với yêu cầu mà nguyên đơn khởi kiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Theo nội dung giấy vay tiền thể hiện, có căn cứ xác định việc xác lập và thực hiện hợp đồng là tự nguyện giữa các chủ thể có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên hợp pháp, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết. Giao dịch dân sự giữa các bên đã xác lập, được xác định là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại các Điều 463, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về quá trình thực hiện hợp đồng: Bà H đã chứng minh có việc giao cho ông Th nhận đủ số tiền 56.000.000đồng (qua 02 giấy nợ ngày 01/3/2021 với số tiền 26.000.000đồng và ngày 15/3/2021 với số tiền 30.000.000đồng) và cho rằng ông Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ thời điểm bà thông báo. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không rõ lý do không cung cấp được cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan hoặc văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn đưa ra, do đó có căn cứ xác định ông Th có vay của bà H số tiền là 56.000.000đồng và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên còn nợ bà H số tiền gốc vay là 56.000.000đồng.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Th có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc vay 56.000.000đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ được chấp nhận toàn bộ.

[2.2] Về quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Tại phiên tòa, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc ông Nguyễn Hoàng Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 2.800.000đồng; bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng Th .

1.1 Buộc ông Nguyễn Hoàng Th có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 56.000.000đồng (năm mươi sáu triệu đồng) phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

1.2 Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.800.000đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CC.THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thanh Thúy

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM**

**HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Năm

Bà Nguyễn Thị Thu Tâm

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 172/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long

Địa chỉ: số 40-42-44 Phạm Hồng Th , phường Vĩnh Thanh Tân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Ngọc Minh, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Thanh Xuân, chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long – chi nhánh Long An.

Văn bản ủy quyền số 10/UQ-CNLA ngày 06/9/2022.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Thiệt, sinh năm 1970

Địa chỉ: 175 khu C khu phố Rạch Đào, thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205, 207; Các Điều 227, 147, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long.

Buộc ông Lê Văn Thiệt có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long số tiền vay gốc là 3.945.444 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/01/2023 là 3.386.182 đồng, tổng cộng là 7.331.626 đồng (theo Hợp đồng tín dụng số 108/17/HĐTD/1900-5923 ngày 03/3/2017).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: ông Lê Văn Thiết phải chịu 366.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán.

Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002729 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Án xét xử sơ thẩm công khai vắng mặt tất cả các đương sự. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc lúc giờ phút, ngày 30 tháng 01 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN**
TÒA

Nguyễn Văn Năm – Nguyễn Thị Thu
Tâm

Ngô Thị Thùy Diễm

